TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 25-5-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Ông Dương Thành Tính.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Như-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hà Thanh-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần N, sinh năm 1965.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần N: Bà Võ Thị C, sinh năm 1964 (theo giấy ủy quyền ngày 27/02/2018).

Cùng địa chỉ: Xóm KT, thôn CL, xã TK, thành phố QNg, tỉnh QN, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Ngọc P, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn PT, xã NA, thành phố QN, tỉnh QN, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Xóm KT, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh QN, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2018, biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2018, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/4/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày: Ngày 14/3/2015 (tức là ngày 24 tháng giêng năm 2015 âm lịch), ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc P có vay của ông Trần N số tiền 100.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền lãi hàng tháng với lãi suất 3%/tháng.

Thời hạn trả là từ ngày 24/01/2015 âm lịch đến ngày 24/6/2015 âm lịch, ông T, bà P trả 50.000.000 đồng và đến ngày 24/12/2015 âm lịch trả tiếp 50.000.000 đồng. Đến ngày 24/12/2015 âm lịch ông T, bà P không trả, ông N có đòi nợ thì ngày 28/12/2015 âm lịch ông T, bà P có viết giấy hẹn đầu tháng 4/2016 âm lịch trả 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng tháng 6/2016 âm lịch trả hết, còn tiền nợ lãi 20.000.000 đồng của khoản vay tiền trước thì đầu năm đi phiên biển trả bớt 10.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng đi phiên biển sau trả hết nhưng ông T, bà P không trả như giấy hẹn. Ông N đòi nợ nhiều lần đến tháng 12/2016 âm lịch, không nhớ rõ ngày, ông T, bà P trả được 15.000.000 đồng và sau đó không trả nữa, mặc dù ông N đã nhiều lần đòi nợ. Đối với ông T, bà P nợ tiền lãi 20.000.000 đồng của khoản vay tiền trước ông N không có yêu cầu giải quyết. Nay ông N buộc ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P trả lại tiền vay gốc còn lại 85.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2015 dương lịch đến ngày 30/12/2016 âm lịch tức là (ngày 27/01/2017 dương lịch) là (100.000.000 đồng x 0,75%) : 30 ngày x 685 ngày = 17.125.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 28/01/2017 đến ngày 25/5/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là (85.000.000 đồng x 0,75%) : 30 ngày x 483 ngày = 10.263.750 đồng. Tổng cộng buộc ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P phải trả cho ông Trần N gốc và lãi là 85.000.000 đồng + 27.388.750 đồng = 112.388.750 đồng.

Trong bản tự khai ngày 19/3/2018 bị đơn ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P trình bày: Vào ngày 24/01/2015 âm lịch ông, bà có vay của ông Trần N 100.000.000 đồng, ông, bà có trả lãi hàng tháng 3.000.000 đồng đã trả được 11 tháng, đến tháng 12/2015 là 33.000.000 đồng, khi trả tiền lãi không viết giấy nhận. Sau đó ông, bà làm ăn thua lỗ nên không trả lãi nữa. Đến tháng 12/2016 ông, bà trả cho ông N 15.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 85.000.000 đồng. Nay ông, bà chỉ trả nợ hàng tháng cho ông N cho đến khi đủ 85.000.000 đồng.

Về tiền nợ lãi: Ông, bà xin không trả, vì làm ăn thua lỗ.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C trình bày: Bà thống nhất như trình bày của ông N. Bà yêu cầu ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P trả toàn bộ số nợ trên cho ông Trần N, vì ông T, bà P vay tiền của ông Trần N. Bà không có yêu cầu ông T, bà P trả nợ cho bà, vì ông T, bà P vay tiền của ông N thì trả cho ông N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần N. Buộc ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần N nợ gốc 85.000.000 đồng. Về tiền lãi: Chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông Trần N. Ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P vay tiền của ông Trần N, cụ thể: Ngày 14/3/2015 ông T, bà P vay 100.000.000 đồng, hai bên có quy định thời hạn trả, có thỏa thuận về việc trả lãi. Sau đó không trả thì ngày 28/12/2015 âm lịch ông T và bà P có viết giấy hẹn đến tháng 06/2016 âm lịch sẽ trả hết nợ nhưng không trả.

Về tiền nợ gốc: Nguyên đơn ông Trần N yêu cầu ông T và bà P phải trả cho ông tiền vay gốc 85.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 19/3/2018 ông T, bà P thừa nhận còn nợ tiền gốc của ông Trần N là 85.000.000 đồng chưa có trả và tại các giấy vay tiền ghi các ngày 24/01/2015 âm lịch, ghi ngày 28/12/015 âm lịch và giấy trả tiền (bút lục số 43) thể hiện ông T, bà P có vay của ông Trần N 100.000.000 đồng đã trả 15.000.000 đồng, còn nợ 85.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ buộc ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc P phải có trách nhiệm trả nợ gốc cho ông Trần N 85.000.000 đồng là phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Về tiền lãi: Ông Trần N yêu cầu ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ngọc P phải trả số tiền lãi tính mức lãi suất 0,75%/tháng từ 15/3/2015 đến ngày ngày 27/01/2017 là 17.125.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 28/01/2017 đến ngày 25/5/2018 là 10.263.750 đồng. Tổng cộng là 27.388.750 đồng, còn ông T, bà P cho rằng đã trả tiền lãi đến tháng 12/2015 âm lịch 11 tháng là 33.000.000 đồng nhưng ông T, bà P không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả tiền lãi 33.000.000 đồng, nguyên đơn ông Trần N cho rằng từ ngày vay tiền đến nay ông T, bà P chưa có trả tiền lãi. Do đó, không có căn cứ chấp nhận ông T, bà P đã trả tiền lãi 33.000.000 đồng cho ông Trần N. Như vậy, chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông Trần N, tính từ ngày 15/3/2015 dương lịch đến ngày 30/12/2016 âm lịch tức là (ngày 27/01/2017 dương lịch, ngày ông T, bà P đã trả được 15.000.000 đồng tiền gốc) là (100.000.000 đồng x 0,75%) : 30 ngày x 685 ngày = 17.125.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 28/01/2017 đến ngày 25/5/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là (85.000.000 đồng x 0,75%) : 30 ngày x 483 ngày = 10.263.750 đồng. Tổng cộng tiền lãi ông Tiếng, bà Phương phải trả cho ông Trần N là 27.388.750 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Như vậy, buộc ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc P phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần N 112.388.750 đồng. Trong đó nợ gốc là 85.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 27.388.750 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà P phải chịu 112.388.750 đồng x 5% = 5.619.437 đồng. Hoàn trả lại cho ông Trần N 5.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần N.

Buộc ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc P phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần N 112.388.750 đồng (một trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng), nợ tiền lãi là 27.388.750 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc P và ông Lê Văn T phải chịu 5.619.437 đồng (năm triệu, sáu trăm mười chín ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần N 5.125.000 đồng (năm triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002057 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc P, ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND tp Quảng Ngãi;*
- *Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*